

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/07/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P9	7:25	8+14	0+0		4+18	0+0	
2		TD5+BK10	7:25	11+7	0+0		12+10	0+0	
3		P10+DD3	7:25	7+15	0+0		3+19	0+0	
4		PVD2+CLO+P2	7:25	6+0+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 6 PAX TỪ PVD2-CLO
5		TD1+PVD2	9:25	6+14	0+0		2+20	0+0	
6		BK5+BK4+P11	9:25	4+7+11	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
7		P2+BK3+P9	9:25	8+5+9	0+0+0		2+9+11	0+0+0	
8		TD3+TD2	9:25	21+0	0+0		13+9	0+0	
9		P10	11:25	18	0		22	0	

TTBDSX

Ghi chú: Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/TD2 (BK15) ĐI VỀ TRONG NGÀY 3 NG.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2018	TO: TD2 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Thanh - Hanh - Huy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC DUNG	TD2					75	D-HANH	Vietnamese
2	VU MINH PHUONG	TD2					70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN CANH TAN	TD2					70	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN HUU LUU	TD2	34	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC TÙNG	TD2	28-29	2	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH CONG	TD2				55	65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH THANG	TD2	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN PHUONG	TD2	27	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	VASIANKIN	P9	40	1	10		122	KH-THAC	Russian
10	PHAN TAT THANG	P9	41-42	2	17		65	YTE	Vietnamese
11	LE MINH THUY	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN HOANG	P9	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN BA KY	P9					82	KH-THAC	Vietnamese
14	VO VAN THOAI	P9	37	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO AN CHUNG	P9	09	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAO THIEN THUAT	P9	35	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THUA	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
18	LE MINH THUY	P9	38	1	3	15	78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET THANG	P9					72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VIET CUONG	P9	43	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	LE NGOC THANH	P9	39	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN HAI	P9	36	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	8	5	19	540	55	4		
2	P9	14	11	56	1.061	15	18		
TOTAL		22	16	75	1.601	70	22		
WEIGHT KG				75	1.601	70			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2018	TO: TD5 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - PTUÁN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG XUAN THI	TD5	35	1	5	18	74	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN MANH THU	TD5	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN TRUC TUYEN	TD5	52	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
4	LUU THE DIEN	TD5	45	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HOANH VU	TD5	50	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
6	LE HUY TIEN HAI	TD5	37-38	2	8		66	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	33	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN NGA	TD5	48	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUAN	TD5	36	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THANH	TD5	32	1	13		80	DVL	Vietnamese
11	ĐO NGOC DUYEN	TD5	46-47	2	15		75	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN VAN MATTEN	TD5	43	1	10		66	H-DONG	Vietnamese
13	NGUYEN VAN PHONG	TD5	41-42	2	15		57	H-DONG	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN THONG	TD5	39-40	2	16		58	H-DONG	Vietnamese
15	VU VAN DIEN	TD5	44	1	5		62	H-DONG	Vietnamese
16	LE VAN TIEN	TD5	51	1	5		51	H-DONG	Vietnamese
17	NGUYEN CONG TAN	BK10	42	1	3	55	85	KH-THAC	Vietnamese
18	LE TRỌNG LINH	BK10	43	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
19	VU XUAN THUY	BK10	41	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO TUAN HUNG	BK10	40	1	11		57	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN CONG THANH	BK10	39	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH SON	BK10	44	1	7		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	20	123	1.070	18	12		
2	BK10	6	6	36	439	55	10		
TOTAL		22	26	159	1.509	73	22		
WEIGHT KG				159	1.509	73			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2018	TO: P10 - DD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIÊN - THỤ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM DUY QUANG	P10	08	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HO THIEN TAM	P10	14	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC PHÚC	P10	12	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THĂNG	P10	10	1	4	35	77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	09	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
6	IVANOV	P10	13	1	3		112	KH-THAC	Russian
7	NGO THANH HA	P10	11	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
8	VIJAY PAL RANA	DD3	64	1	7		77	KHOAN	Indian
9	GENESAN MARI RAMASAMI	DD3	68-69	2	13		73	KHOAN	Indian
10	EDWIN IBOH	DD3	73	1	7		89	KHOAN	Indian
11	SOMESH ASARAM PUND	DD3	71	1	15		80	KHOAN	Malaysian
12	NGUYEN VIET HUNG	DD3	65	1	5		58	KHOAN	SRV
13	NGUYEN GIA HUNG	DD3	75	1	5	5	75	KHOAN	vietnamese
14	LAM QUANG HIEP	DD3	77	1	5	13	77	KHOAN	Vietnamese
15	HA QUOC DUNG	DD3	74	1	6	15	79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG TRUNG	DD3	76	1	6	20	65	KHOAN	Vietnamese
17	HO DUY HOANG	DD3	67	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THE VAN	DD3	78	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN BA CUONG	DD3	70	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
20	BUI QUANG PHUONG	DD3	66	1	7		105	KHOAN	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN CHUNG	DD3	79	1	17		72	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM QUANG VINH	DD3	61-62	2	15		66	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	7	7	35	501	35	3		
2	DD3	15	17	130	1.103	53	19		
TOTAL		22	24	165	1.604	88	22		
WEIGHT KG				165	1.604	88			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2018	TO: PVD2 - CLO - P2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐỨC - L Hải - HTNam -	ETA: 09:30
TRANG-1A		thông	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUAN THEM	PVD2	97	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN VIET HIEU	PVD2	98	1	11		61	KHOAN	Vietnamese
3	HA VAN GIANG	PVD2	36	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
4	CU DINH TUNG	PVD2	1000	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
5	DINH VAN CHAO	PVD2	37	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VAN CHINH	PVD2	99	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
7	LE QUANG NINH	P2					64	KHI	Vietnamese
8	BUI MINH TRI	P2	30-31	2	13		83	T-TIN	Vietnamese
9	PHAM VAN HUNG	P2	27	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	AFANASEV	P2	26	1	12		95	KH-THAC	Russian
11	PHAM QUOC HIEN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THE ANH	P2	36	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DANG	P2					80	KH-THAC	Vietnamese
14	DAO VAN DUC	P2	35	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	VO ANH NGOC	P2	29	1	10	10	74	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TRAN TUAN AN	P2	03-04	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VAN NAM	P2	01-02	2	8		61	KH-THAC	Vietnamese
18	VU THANH LONG	P2	33	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN HUNG	P2	37-38	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HO HUU LINH	P2	34	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN THUY	P2	28	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DUY NGOC	P2	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	6	6	50	436	0	0	6	CHUYEN 6 PAX TU PVD2 SANG CLO
2	CLO	0	0	0	0	0	0		
3	P2	16	17	108	1.161	10	22		
TOTAL		22	23	158	1.597	10	22		
WEIGHT KG				158	1.597	10			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2018	TO: TD1 - PVD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Thanh - Hạnh - Huy	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU BA THUAN	TD1	98	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DUC SON	TD1	500	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN AN NINH	TD1	65	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN GIA CUONG	TD1	51-52	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC TRI	TD1	900,34	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VAN TRUONG	TD1	99	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE THANH TUNG	PVD2	01	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN XUAN NINH	PVD2	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	08	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
10	VO VAN HOAT	PVD2	09	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH VAN BINH	PVD2	40	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN TUAN	PVD2	38	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH QUANG HOA	PVD2	39	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	BUI XUAN DIEP	PVD2	41	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
15	DAO HAI NAM	PVD2	63	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG XUAN CANH	PVD2	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUY TRONG	PVD2	02	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
18	QUACH TRUONG THINH	PVD2	05-07	3	17		82	KHOAN	Vietnamese
19	DINH TOAN KHOA	PVD2	03-04	2	7		70	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM HOANG DAT	PVD2	42	1	6		80	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	6	8	76	432	0	2		
2	PVD2	14	17	98	996	0	20		
TOTAL		20	25	174	1.428	0	22		
WEIGHT KG				174	1.428	0			

GRAND TOAL: 1.602 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2018	TO: BK5 - BK4 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - PTUAN	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN SÁCH ĐƠN	BK5	76	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG TRỌNG THAO	BK5	77-78	2	14	35	74	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH HAI	BK5	79	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
4	HA VĂN TRUNG	BK5	80	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4	04	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO ĐĂNG ĐỨC	BK4					68	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ BA TUAN	BK4	38	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIỀN	BK4	76	1	3	15	77	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG QUANG TUU	BK4	28	1	6		70	T-TIN	Vietnamese
10	MAI SINH CUNG	BK4	26-27	2	14		61	T-TIN	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	74-75	2	18		63	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG HAI	P11	48	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VIỆT DŨNG	P11	49	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH THANH TAM	P11	56-57	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN HAI VIỆT	P11	47	1	9	30	87	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG SY NGỌC	P11	46	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN THỨC	P11	45	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NĂM	P11	50	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CAO CHÍ	P11	44	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P11	51-52	2	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN YẾN	P11	43	1	7		74	PSV	Vietnamese
22	NGO VĂN THANH	P11	53	1	7		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	5	47	286	35	0		
2	BK4	7	8	49	466	15	8		
3	P11	11	13	62	816	30	14		
TOTAL		22	26	158	1.568	80	22		
WEIGHT KG				158	1.568	80			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2018	TO: P2 - BK3 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - THỤ	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	81	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC LUỘNG	P2	86	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO HOANG NAM	P2	82	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	80	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH KIM	P2	83	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU PHI	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH PHONG	P2	85	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
8	TU TUẤN TU	P2	84	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU THÀNH	BK3	84	1	7	40	64	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI HAI HA	BK3	81	1	4	4	59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	79	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK3	80	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM BA BÌNH	BK3	82-83	2	5		67	PSV	Vietnamese
14	PHAN QUỐC DŨNG	P9	89	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	96	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ SY BÌNH	P9	91	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN DŨNG	P9	95	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HA	P9	88	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	92,94	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN BANG	P9	90	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TRỊ	P9	93	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC QUY	P9	87	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	7	50	595	0	2		
2	BK3	5	6	22	329	44	9		
3	P9	9	10	51	591	0	11		
TOTAL		22	23	123	1.515	44	22		
WEIGHT KG				123	1.515	44			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2018	TO: TD3 - TD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LHài - HTNam -	ETA: 11:30
TRANG-2		thông	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THANG	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	56	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN HOANG LAM	TD3	51	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM THANH DUNG	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG HUY LONG	TD3	95	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
6	PHÙNG VĂN XUYEN	TD3	55	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
7	KHÔNG QUỐC HUNG	TD3	48	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NGOC NGHIA	TD3	49	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
9	VU TIEN LUC	TD3					69	KHOAN	Vietnamese
10	LE TRỌNG TUYEN	TD3	50	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
11	LE VIỆT HUNG	TD3	94	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN KHUONG	TD3					90	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD3	46-47	2	8		86	KHOAN	Vietnamese
14	LƯU TRƯỜNG GIANG	TD3	52	1	7		67	NHA THAU	Vietnamese
15	PHAN ĐÌNH NHẬT	TD3	96-97	2	18		75	NHA THAU	Vietnamese
16	NGUYEN ĐÌNH THANH HAI	TD3	53-54	2	16		60	NHA THAU	Vietnamese
17	VÔ VĂN GIANG	TD3	99	1	8		60	NHA THAU	Vietnamese
18	VÔ TẤN TÀI	TD3	400	1	8		70	NHA THAU	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TU	TD3	98	1	7		83	NHA THAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	18	122	1.386	0	13		
2	TD2	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		19	18	122	1.386	0	22		
WEIGHT KG				122	1.386	0			

GRAND TOAL: 1.508 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2018	TO: P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TAT THANH	P10	27	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN NAM	P10	26	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU THANH VINH	P10	25	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
4	LE NGOC NGUYEN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG VAN MINH	P10	28	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BAO LAM	P10	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM HIEU LIEM	P10	20	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN HONG LINH	P10	32	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN THUYET	P10	19	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH KHOA	P10	33	1	9	5	67	KH-THAC	Vietnamese
11	LE CHI HIEU	P10	34	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CUONG	P10	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM HUYNH VU	P10					74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TOAN	P10	31	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	DO TRUONG THINH	P10	18	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TOAN	P10	21	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
17	VU DINH CUONG	P10	24	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN MANH HUNG	P10	29-30	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	18	17	92	1.239	5	22		
	TOTAL	18	17	92	1.239	5	22		
	WEIGHT KG			92	1.239	5			

GRAND TOAL: 1.336 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAX CA

22

22

ARRIVAL